

---

*(Theo mẫu tại phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM**

**NĂM 2012**



*Hải phòng, ngày 18 tháng 03 năm 2013*

## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200453688
- Vốn điều lệ: 240.385.020.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 240.385.020.000 đồng
- Địa chỉ: Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
- Số điện thoại: 031.3836705
- Số fax: 031.3836104
- Website: www.viconship.com
- Mã cổ phiếu: VSC

### 2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty là Công ty Container Việt Nam, chính thức thành lập ngày 27 tháng 7 năm 1985 theo quyết định số: 1310/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Số vốn ban đầu được Nhà nước giao tại thời điểm thành lập là 7,2 triệu đồng.

Các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty ngay từ khi thành lập là: Cung cấp các dịch vụ về đại lý tàu biển, đại lý giao nhận cho các hãng tàu Container nước ngoài, bốc xếp, vận chuyển container, khai thác kho bãi... Công ty là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam tổ chức các hoạt động dịch vụ vận tải bằng container. Với phương châm tự tích lũy để phát triển, chuyển đổi phù hợp với nền kinh tế thị trường, Công ty đã trưởng thành về mọi mặt, quy mô sản xuất tăng đáng kể.

Năm 2002, Công ty tiến hành cổ phần hóa toàn bộ doanh nghiệp với tên gọi Công ty Cổ phần Container Phía Bắc theo quyết định số 183/TTG ngày 04 tháng 03 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Tháng 6 năm 2002, đổi tên thành Công ty Cổ phần Container Việt Nam.

Ngày 12/12/2007, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Quyết định Niêm yết số 172/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty Cổ phần Container Việt Nam (Viconship) niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Tp HCM. Ngày 09/01/2008 cổ phiếu Viconship đã chính thức giao dịch với mã chứng khoán VSC và là công ty thứ 139 niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán T.P Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2002, được sửa đổi bổ sung lần thứ 14 vào ngày 03 tháng 12 năm 2012 với mã số doanh nghiệp : 0200453688.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh:**
  - + Khai thác cảng biển
  - + Khai thác kho bãi
  - + Vận tải bộ, vận tải sà lan
- **Địa bàn kinh doanh:**

Công ty hoạt động kinh doanh trên các địa bàn: Hải Phòng, Hà Nội, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Tp Hồ Chí Minh. Trong đó, địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm tỷ trọng doanh thu lớn là khu vực Hải Phòng.

#### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

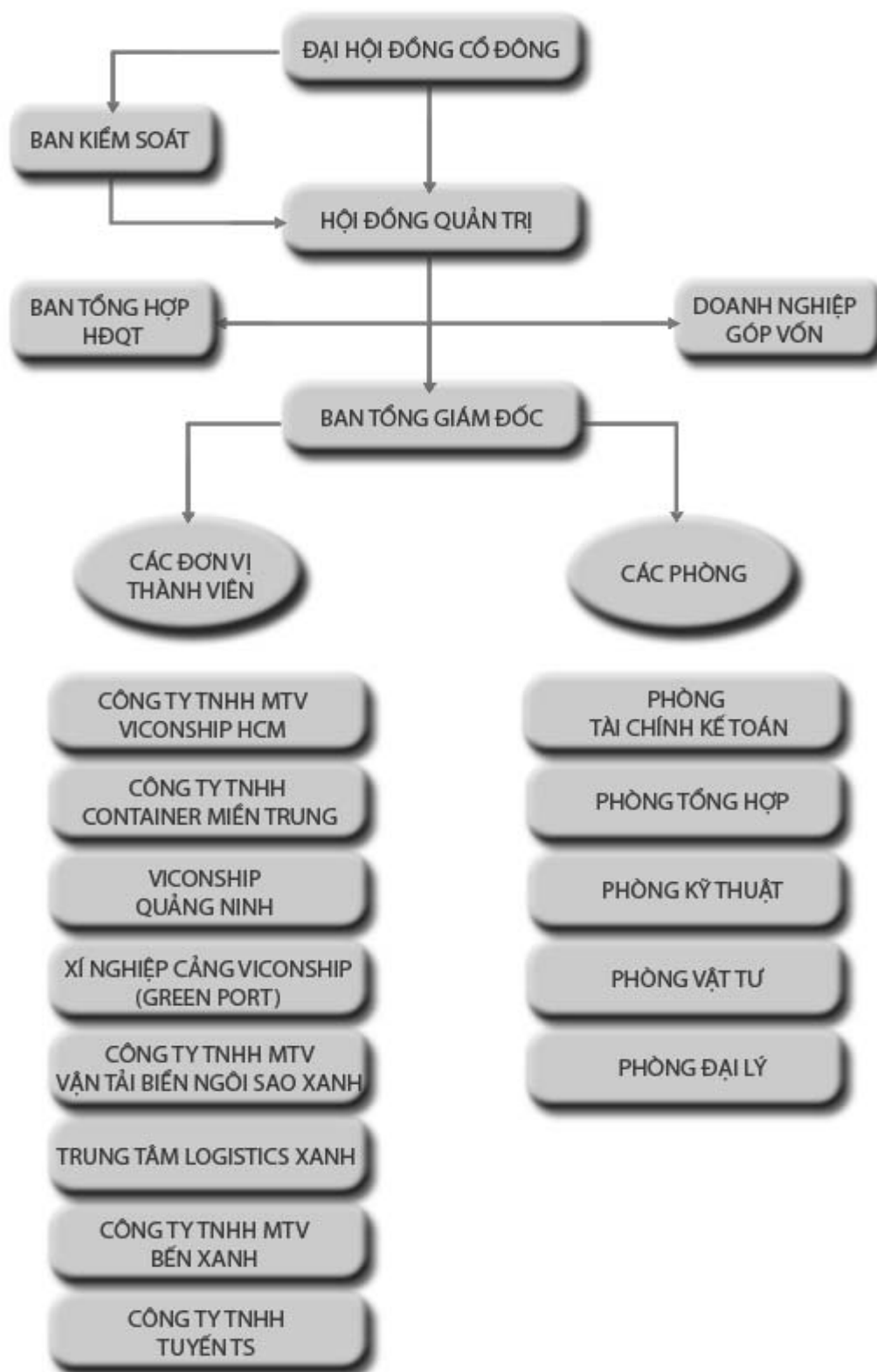
##### **– Mô hình quản trị:**

Mô hình quản trị của Công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm soát; Hội đồng quản trị; Ban Tổng hợp HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị Viconship góp vốn; các đơn vị thành viên và các phòng ban chức năng.

##### **– Cơ cấu bộ máy quản lý:**

Công ty cổ phần Container Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, các Luật khác và điều lệ Công ty cổ phần container Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty cổ phần Container Việt Nam đã xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, định hướng hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, với các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và phụ thuộc trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam.



## – Các công ty con, công ty liên kết:

<i>Tên Doanh nghiệp</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Lĩnh vực KD chính</i>	<i>Vốn góp của Công ty</i>	<i>Chiếm tỷ lệ</i>
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh	Số 5 Võ Thị Sáu – Hải Phòng	Công ty con	Vận tải, bốc xếp	15.000.000.000	100%
Công ty TNHH Container Miền Trung	Số 75 Quang Trung – TP Đà Nẵng	Công ty con	Vận tải, bốc xếp	6.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Viconship HCM	Số 2F Đường 4F Cư xá Ngân hàng – Tân Thuận – Q7 – TP HCM	Công ty con	Vận tải, bốc xếp	6.000.000.000	100%
Công ty TNHH Tuyển TS	Số 119 Điện Biên Phủ - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh	Công ty con	Đại lý	200.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Bến Xanh	Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải – thành phố Hải Phòng.	Công ty con	Bốc xếp, kho bãi	500.000.000	100%
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải – thành phố Hải Phòng.	Công ty con	Bốc xếp, kho bãi	90.000.000.000	100%
Công ty TNHH MSC Việt Nam	152 Nguyễn Lương Bằng – Quận 7 – TP HCM	Công ty liên kết	Đại lý, kho bãi	899.000.000	29%
Công ty CP Tiếp Vận Xanh	Số 2F Đường 4F Cư xá Ngân hàng – Tân Thuận – Q7 – TP HCM	Công ty liên kết	Bốc xếp, kho bãi	20.960.000.000	35%
Công ty TNHH Ngôi sao xanh tương lai	Số 1 Ngô Quyền – Đông Hải 1 – Hải An, TP Hải Phòng	Công ty liên doanh	Đại lý, kho bãi	3.061.716.000	49%

## 5. Định hướng phát triển

### – Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mục tiêu chủ yếu của Công ty là tiến hành mở rộng hệ thống dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, mặt khác Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu khắt khe của khách hàng. Việc làm đó có ý nghĩa rất lớn trong việc đảm bảo phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công ty.

### – Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty là xem xét nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để đầu tư vào nhiều lĩnh vực tiềm năng trên cơ sở những thế mạnh kinh doanh sẵn có, nhằm mang lại lợi ích kinh tế lớn nhất và ngày càng đưa Công ty phát triển lên một tầm cao mới.

### – Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Công ty đảm bảo rằng vấn đề trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng là phần gắn liền với hệ thống quản lý và văn hóa của doanh nghiệp.

## 6. Các rủi ro:

Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn trong giai đoạn khó khăn và biến động bất thường. Thị trường vận tải biển không ổn định. Sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành nghề ngày càng khốc liệt. Các yếu tố kể trên có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### - Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và trong sự cạnh tranh quyết liệt của các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nghề, năm 2012 Công ty vẫn tiếp tục duy trì được nhịp độ tăng trưởng, phát triển bền vững và đạt được những kết quả rất khả quan trong sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu thuần đạt 779,42 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 290,06 tỷ đồng.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 9.626 đồng.

Hoạt động khai thác cảng biển vẫn là hoạt động chính chiếm tỷ trọng lớn về doanh thu và lợi nhuận. Ngoài ra, dịch vụ lưu bãi container lạnh và vận tải container bằng sà lan cũng mang lại hiệu quả cao.

#### – Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	So sánh với kế hoạch			So sánh cùng kỳ		
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ	Năm 2012	Năm 2011	Tỷ lệ
Tổng doanh thu	779,42	660	18 %	779,42	644,21	21 %
Lợi nhuận trước thuế	290,06	190	53 %	290,06	240,02	21 %

Doanh thu và lợi nhuận tăng cao so với kế hoạch cũng như so với năm 2011 chủ yếu là do hầu hết các sản phẩm dịch vụ chính của Công ty đều giữ vững được mức tăng trưởng.

Tổng doanh thu thuần đạt 779,42 tỷ đồng, tăng 21 % so với thực hiện năm 2011, tăng 18 % so với kế hoạch năm 2012.

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 290,06 tỷ đồng, tăng 21 % so với thực hiện năm 2011, tăng 53 % so với kế hoạch năm 2012.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### – Danh sách Ban điều hành:

Danh sách	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc	0,12% Vốn điều lệ
Ông Lương Hoài Trân	Phó Tổng Giám đốc	0,58% Vốn điều lệ
Ông Hoàng Trọng Giang	Phó Tổng Giám đốc	0,30% Vốn điều lệ
Ông Nguyễn Thế Trọng	Phó Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 11/02/2012	0,02% Vốn điều lệ
Ông Trần Xuân Bạo	Kế toán trưởng	0,22% Vốn điều lệ

#### *Tóm tắt lý lịch:*

#### **Ông Nguyễn Văn Tiến – Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc**

Ngày sinh: 19/11/1969

Nơi sinh: Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương

Số CMND: 030969378

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương

Địa chỉ thường trú: 20/8B Cù Chính Lan, Hải Phòng

Điện thoại cơ quan: (031) 3 836705

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Cty CP DV Dầu khí Đình Vũ.

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

#### **Ông Hoàng Trọng Giang – Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc**

Ngày sinh: 02/10/1957

Nơi sinh: Thái Sơn, Kiến An, Hải Phòng

Số CMND: 024210058

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Thái Sơn, An Lão, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: 123 đường Huỳnh Tấn Phát khu phố 4, P. Tân Thuộc Đông,  
Quận 7, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: (08) 8 248 226

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ máy hàn

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không.

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

***Ông Lương Hoài Trân – Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc***

Ngày sinh: 28/05/1955

Nơi sinh: Chiên Thắng, An Lão, Hải Phòng

Số CMND: 030197897

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Chiên Thắng, An Lão, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Số nhà 9B Đoạn Xá, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại cơ quan: (031) 3 836705

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế, thạc sĩ quản trị kinh doanh.

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

***Ông Nguyễn Thế Trọng – Phó Tổng Giám đốc***

Ngày sinh: 01/11/1978

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 030980816

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Cộng Hoà, Yên Hưng, Quảng Ninh

Địa chỉ thường trú: Số nhà 51/333 Văn Cao, Hải Phòng

Điện thoại cơ quan: (031) 3 836705



Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ, cử nhân quản trị doanh nghiệp.

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

***Ông Trần Xuân Bạo – Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng***

Ngày sinh: 25/10/1963

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 030556364

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Cổ Am, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Số nhà 15 An Đà, Lê Chân, Hải Phòng

Điện thoại cơ quan: (031) 3 836705

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế.

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Container Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

**– Những thay đổi trong ban điều hành:**

Ngày 11/02/2012, Ông Nguyễn Thế Trọng được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam.

**– Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động**

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh 6 tháng một lần cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn.

Khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất

Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty là: 715 người. Thu nhập bình quân: 9.225.900 đồng / người-tháng.

***Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:***

*Chế độ làm việc:*

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày.

*Chính sách tuyển dụng, đào tạo:*

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Công ty, Công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của cán bộ công nhân viên.

*Đối với lao động trực tiếp:*

Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo trực tiếp lao động ngay tại Công ty kết hợp cử những lao động có tay nghề cao, kinh nghiệm lâu năm tham dự các khoá đào tạo kiến thức, kỹ năng thực hiện các ngành nghề, dịch vụ mà công ty định hướng phát triển; thường xuyên cử các nhóm lao động đi tham quan học hỏi kinh nghiệm kinh doanh trong và ngoài nước, nhằm hoàn thiện hơn kỹ năng và trình độ của người lao động.

*Đối với lao động gián tiếp:*

Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu công việc, tham gia các khoá tập huấn các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

*Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:*

Công ty áp dụng chính sách trả lương theo năng suất và hiệu quả làm việc của từng lao động. Có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có sáng kiến và giải pháp kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

Hàng năm, Công ty tổ chức cho Cán bộ Công nhân viên đi tham quan, du lịch nhằm khuyến khích động viên người lao động gắn bó với Công ty.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

#### **a) Các khoản đầu tư lớn:**

Tổng giá trị đầu tư năm 2012 của Công ty là: 271,98 tỷ đồng, trong đó các khoản đầu tư lớn như sau:

- Xây dựng Trung tâm Logistics Xanh: 140,6 tỷ đồng, bao gồm phí mua quyền sử dụng 7,5 ha đất ở khu vực Đình Vũ, xây dựng bãi chứa container và các công trình phụ trợ. Năm 2013 dự kiến sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng 02 kho lưu giữ và xếp chứa hàng hoá, mỗi kho rộng 7.500 m<sup>2</sup>.

- Mua và lắp đặt cần trục chân đế KE 03 tại cầu cảng Green Port để phục vụ yêu cầu sản xuất kinh doanh: 26 tỷ đồng (Tổng giá trị cần trục là 57,7 tỷ đồng, trong đó năm 2011 đã giải ngân 31,7 tỷ đồng).

- Mua 34 đầu kéo và moóc chuyên dùng vận chuyển container với tổng giá trị: 46,37 tỷ đồng.

#### **b) Các công ty con, công ty liên kết:**

**\* Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh**

- Mối quan hệ: Công ty con

- Lĩnh vực hoạt động chính: vận chuyển và bốc xếp hàng hóa.

- Tình hình tài chính:

Kết quả kinh doanh năm 2012 như sau:

- + Doanh thu: 95,67 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 9,84 tỷ đồng

**\* Công ty TNHH Container Miền Trung**

- Môi quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: vận chuyển và bốc xếp hàng hóa, khai thác kho bãi.
- Tình hình tài chính:

Kết quả kinh doanh năm 2012 như sau:

- + Doanh thu: 64,96 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 5,17 tỷ đồng

**\* Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh**

- Môi quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: vận chuyển và bốc xếp hàng hóa.
- Tình hình tài chính:

Kết quả kinh doanh năm 2012 như sau:

- + Doanh thu: 43,26 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 287 triệu đồng

**\* Công ty TNHH Tuyển TS**

- Môi quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: đại lý.
- Tình hình tài chính:

Kết quả kinh doanh năm 2012 như sau:

- + Doanh thu: 14,93 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 91,5 triệu đồng

**\* Công ty TNHH MTV Bến Xanh**

- Môi quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: khai thác kho bãi, bốc xếp hàng hóa, sửa chữa container. Là Công ty mới thành lập và bắt đầu hoạt động từ quý 4 năm 2012.
- Tình hình tài chính:

Kết quả kinh doanh năm 2012 như sau:

- + Doanh thu: 11,16 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế: 4,52 tỷ đồng

**\* Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh**

- Môi quan hệ: Công ty con
- Lĩnh vực hoạt động chính: Kinh doanh kho bãi, bốc xếp hàng hóa. Là Công ty mới thành lập và bắt đầu hoạt động từ quý 4 năm 2012.
- Tình hình tài chính:
  - Kết quả kinh doanh năm 2012 như sau:
  - + Doanh thu: 1,19 tỷ đồng

**\*Công ty TNHH MSC Việt Nam**

- Môi quan hệ: Công ty liên kết
- Lĩnh vực hoạt động chính: đại lý, khai thác kho bãi
- Năm 2012 đã ghi nhận số lợi nhuận do Công ty TNHH MSC Việt Nam chuyển về trên báo cáo tài chính là: 8.120.000.000 đồng

**\*Công ty CP Tiếp Vận Xanh**

- Môi quan hệ: Công ty liên kết
- Lĩnh vực hoạt động chính: bốc xếp hàng hóa, khai thác kho bãi
- Năm 2012 đã ghi nhận số lợi nhuận do Công ty CP Tiếp Vận Xanh chuyển về trên báo cáo tài chính là: 3.723.600.000 đồng

**\* Công ty TNHH Ngôi sao xanh tương lai**

- Môi quan hệ: Công ty liên doanh
- Lĩnh vực hoạt động chính: đại lý, khai thác kho bãi
- Đây là Công liên doanh mới thành lập giữa Hãng tàu MSC và Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh (Công ty con của VSC).

**4. Tình hình tài chính**

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	856.938.748.965	1.054.558.829.822	23 %
Doanh thu thuần	644.207.785.309	779.416.783.610	21 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	231.775.891.292	286.221.103.238	23 %
Lợi nhuận khác	8.246.811.658	3.837.899.189	-53 %
Lợi nhuận trước thuế	240.022.702.950	290.059.002.427	21 %
Lợi nhuận sau thuế	191.000.029.167	228.628.955.159	20 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	40 %	60 %	

## b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,81 lần	2,06 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	2,77 lần	2,00 lần	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	24,97%	28,18%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	33,29%	39,23%	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	42,99 lần	40,87 lần	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản :	75,17%	73,91%	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	29,65%	29,33%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	29,71%	30,19%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	22,29%	21,68%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	35,98%	36,72%	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu****a) Cổ phần:**

Tổng số cổ phiếu: 24.038.502 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu quỹ: 166.600 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 23.871.902 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 23.727.902 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 144.000 cổ phiếu (đây là số cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động năm 2012)

**b) Cơ cấu cổ đông**

Stt	Cổ đông	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số lượng CP năm giữ
1	<b>Tổ chức</b>	<b>58,22</b>	<b>13.994.916</b>
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	47,55	11.429.086
	Tổ chức Việt nam	10,67	2.565.830
	<b>Cá nhân</b>	<b>41,78</b>	<b>10.043.586</b>
	<i>Trong đó:</i>		
	Cá nhân nước ngoài	1,45	347.974
	Cá nhân Việt nam	40,33	9.695.612
2	<b>Trong nước</b>	<b>51</b>	<b>12.261.442</b>
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức trong nước	10,67	2.565.830
	Cá nhân trong nước	40,33	9.695.612
	<b>Nước ngoài</b>	<b>49</b>	<b>11.777.060</b>
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	47,55	11.429.086
	Cá nhân nước ngoài	1,45	347.974
3	<b>Phân loại khác</b>		
	<i>Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần trở lên</i>	<b>24,40</b>	<b>5.866.074</b>
	<i>Cổ đông Nhà nước</i>	<b>1,73</b>	<b>415.260</b>
	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<b>0,69</b>	<b>166.60</b>

**c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm 2012, Công ty đã phát hành: 144.000 cp cho người lao động, giá phát hành: 10.000 đồng / cổ phiếu, tổng số tiền thu về là 1,44 tỷ đồng, nâng vốn điều lệ của Công ty từ: 238.945.020.000 đồng lên thành: 240.385.020.000 đồng.

**d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại của Công ty là: 166.000 cổ phiếu. Trong năm 2012 không phát sinh các giao dịch về cổ phiếu quỹ.

**e) Các chứng khoán khác:**

Thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên ngày 23/2/2012 của Công ty về việc phát hành cổ phiếu ESOP nhằm động viên, đãi ngộ người lao động và gắn kết người lao động với sự

phát triển của Công ty, trong năm Công ty đã phát hành: 144.000 cp cho người lao động, giá phát hành: 10.000 đồng / cổ phiếu, tổng số tiền thu về là 1,44 tỷ đồng.

Tổng số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 23.871.902 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 23.727.902 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 144.000 cổ phiếu (đây là số cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động năm 2012)

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty:

Năm 2012 là năm ghi nhận nhiều biến động bất thường, kinh tế thế giới và Việt Nam tiếp tục không ổn định. Đây cũng là năm đầu tiên Việt Nam xuất siêu sau 19 năm nhập siêu (Kim ngạch xuất khẩu tăng 15% so với năm 2011). Thị trường tài chính, ngân hàng bất ổn làm giá cả sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu tăng cao, đặc biệt là việc tăng giá điện và nhiên liệu.

Thị trường vận tải biển không ổn định, khu vực phía Bắc phục thuộc nhiều vào tình hình hàng hóa qua biên giới Việt – Trung, đặc biệt là khu vực Móng Cái. Cơ sở hạ tầng giao thông vừa thiếu vừa yếu vẫn tác động mạnh đến ùn tắc giao thông làm tăng chi phí sản xuất và giảm hiệu quả kinh doanh, đặc biệt là vận tải đường bộ và logistics. Giá các dịch vụ cảng biển, kho bãi và vận tải giảm, sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành ngày càng nhiều.

Mặc dù có một số khó khăn như vậy, nhưng mặt thuận lợi là Công ty luôn nhận được sự tín nhiệm của các cổ đông, sự ủng hộ của khách hàng. Ban lãnh đạo Công ty luôn theo sát tình hình, đề ra các quyết định và chiến lược kinh doanh phù hợp, kịp thời như các về vấn đề đầu tư, điều chỉnh giá dịch vụ, đảm bảo đủ cơ sở hạ tầng, nguồn lực, trang thiết bị phục vụ sản xuất... tìm mọi biện pháp từng bước nâng cao hiệu quả quản trị về sản xuất kinh doanh cũng như về lĩnh vực tài chính. Doanh thu và lợi nhuận tăng cao so với kế hoạch cũng như so với năm 2011. Hầu hết các sản phẩm dịch vụ chính của Công ty đều giữ vững được mức tăng trưởng.

Tổng doanh thu thuần đạt 779,42 tỷ đồng, tăng 21 % so với thực hiện năm 2011, tăng 18 % so với kế hoạch năm 2012.

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 290,06 tỷ đồng, tăng 21 % so với thực hiện năm 2011, tăng 53 % so với kế hoạch năm 2012.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Năm 2012, Công ty tiếp tục đạt được nhiều thành tựu trong quá trình tăng trưởng và phát triển. Thương hiệu của Công ty ngày càng được nhiều khách hàng, tổ chức trong nước và quốc tế biết đến.

#### 2. *Tình hình tài chính*

##### a) *Tình hình tài sản*

Tổng tài sản đầu kỳ 856,94 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 592.13 tỷ đồng và tài sản dài hạn là 264,81 tỷ đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ 1.054,56 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 544,69 tỷ đồng và tài sản dài hạn là 509,87 tỷ đồng.

Trong năm Công ty đã đầu tư, đưa vào sử dụng các máy móc trang thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng với tổng giá trị là: 202,84 tỷ, đồng thời thanh lý một số phương tiện vận tải đã cũ, lạc hậu: 6,44 tỷ đồng. Tài sản đầu tư thêm đã mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao trong

năm 2012 cho Công ty. Các khoản nợ phải thu luôn được tích cực thu hồi sớm, tránh triệt để trường hợp khách hàng nợ đọng kéo dài.

### **b) Tình hình nợ phải trả**

#### **– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:**

Nợ phải trả đầu kỳ là 214 tỷ đồng, cuối kỳ là: 297,17 tỷ đồng. Trong năm Công ty đã vay Vietcombank Hải Phòng khoản tiền: 40,38 tỷ đồng để mua cần trục chân đế KE. Khoản tiền này ở mục Vay dài hạn là 31,39 tỷ đồng, ở mục Vay và nợ ngắn hạn phải trả trong năm 2013 là 8,99 tỷ đồng.

– Hiện tại Công ty không có nợ phải trả xấu. Chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Hoàn thiện mô hình tổ chức và tái cấu trúc toàn Cty, thành lập các Cty TNHH một thành viên theo hướng chuyên nghiệp để phục vụ.

Bổ sung, điều chuyển lao động giữa các đơn vị phù hợp với mô hình tổ chức sau khi tái cấu trúc và tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Xây dựng và ban hành các quy chế quản lý và phối hợp giữa các Cty thành viên ngay từ khi tái cấu trúc, cụ thể là:

- Quy chế quản lý tài chính
- Quy chế quản lý nhân sự, đào tạo, tiền lương
- Quy chế quản lý kỹ thuật vật tư, phương tiện thiết bị, sửa chữa phương tiện thiết bị
- Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng
- Quy chế quản lý phối hợp giữa các Công ty ngay khi tái cấu trúc

Công tác quản lý được quan tâm từ các khâu: tổ chức, quản trị các hoạt động sản xuất, quản trị tài chính, quản trị các chi phí theo đúng các quy định hiện hành cũng như mới ban hành. Là doanh nghiệp có nhiều Công ty thành viên được phân bổ trên cả ba khu vực Bắc – Trung – Nam với nhiều hoạt động đa dạng, HĐQT đã phân công cho một số thành viên HĐQT cũng như Ban điều hành trực tiếp phụ trách mỗi khu vực, đơn vị để quản lý, giám sát trên cơ sở các điều lệ của các Công ty thành viên và các quy chế của Công ty cũng như luật doanh nghiệp.

Các quy trình quản lý, sản xuất được rà soát, sửa đổi và làm mới phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty sau khi tái cấu trúc.

Khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất (trong năm có 72 sáng kiến cải tiến được đưa vào áp dụng và tiết kiệm hàng tỷ đồng, Công ty đã tổng kết, đánh giá và xét khen thưởng kịp thời).

Thực hiện tốt công tác nhân sự và tuyển dụng lao động, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dài hạn và đáp ứng được sự phát triển của Cty cũng như trong quá trình tái cấu trúc. Trong năm 2012 Cty đã đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo các nội dung:

- Chuyên môn nghiệp vụ: 27 người được cử đi học trong nước và nước ngoài.
- Ngoại ngữ: 35 người
- Huấn luyện định kỳ: 426 người.

Công ty cổ phần container Việt Nam coi con người là cội nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.



Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh 6 tháng một lần cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương/ thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn. Hoàn thành tốt việc nâng bậc lương trong năm theo đúng quy định. Người lao động đảm bảo có việc làm và thu nhập năm 2012 cao hơn năm 2011.

#### 4. **Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động sản xuất chính của Công ty ổn định trên ba miền Bắc – Trung - Nam.

Lựa chọn hạng mục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng để tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất cho năm 2013 và các năm tiếp theo theo đúng văn hóa Cty bằng cách liên doanh, liên kết, hợp tác với các đối tác tại Hải Phòng, Quảng Ninh, Móng Cái, Đà Nẵng, Quy Nhơn và Hồ Chí Minh. Bám sát tiến độ dự án cảng nước sâu Lạch Huyện và làm các thủ tục với UBND TP HP, Cục HH, Bộ GTVT, ... xin đầu tư 02 cầu tại khu vực này.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nguồn nhân lực với tầm nhìn dài hạn.

Đảm bảo năng suất, chất lượng dịch vụ và đầu tư đổi mới công nghệ ứng dụng trong quản lý cũng như sản xuất.

Đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

Tiếp tục hoàn thiện các bước tái cấu trúc, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các đơn vị thành viên và các Cty liên doanh liên kết mà Cty cổ phần container Việt Nam nắm phần vốn chi phối ...

Quản lý tốt các chi phí, triệt để tiết kiệm, đảm bảo kinh doanh hiệu quả, tỷ lệ cổ tức đạt từ 25% đến 30% và có tích lũy cần thiết để đầu tư và mở rộng sản xuất.

#### 5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** không có.

### IV. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

#### 1. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2012 là năm có nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt là việc tăng các chi phí đầu vào; sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành nghề ngày càng khốc liệt; thị trường vận tải biển tiếp tục bất ổn, khu vực phía Bắc phục thuộc nhiều vào tình hình hàng hóa qua biên giới Việt – Trung; tuy nhiên tổng quan kết quả đã đạt được đánh dấu bước phát triển cao của Công ty cổ phần container Việt Nam và rất đáng khích lệ.

Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước về quản lý tài chính. Quản lý tốt các nguồn thu, chi của Công ty, đảm bảo cân đối đủ vốn đáp ứng các yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty Mẹ cũng như các Công ty con, thực hiện đầy đủ chế độ nghĩa vụ nộp thuế, ngân sách cho Nhà nước.

Công ty tiếp tục phát triển với tốc độ ổn định về quy mô, hiệu quả kinh doanh cao: doanh thu tăng 21%, lợi nhuận sau thuế tăng 20% so với thực hiện năm 2011. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2012 đạt 9.626 đồng.

Thương hiệu của công ty ngày càng được nhiều khách hàng/ các tổ chức trong nước và quốc tế biết đến.

Người lao động được đảm bảo việc làm và có thu nhập cao.

Công tác trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, hoạt động của các đoàn thể được thực hiện tốt.

#### 2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc công ty trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thị trường, Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh hết sức khả quan, đưa Công ty ngày càng tăng trưởng ổn định, bền vững.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong thời gian tới, tiếp tục định hướng Công ty theo sát tình hình thị trường, đảm bảo duy trì các hoạt động sản xuất chính ổn định; đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu; lựa chọn hạng mục đầu tư, quy mô đầu tư để tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh ... tiếp tục đưa Công ty phát triển bền vững và tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai, từng bước đưa Công ty trở thành Công ty kinh doanh Logistics mang tầm cỡ quốc tế.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Hình thức	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác
1	Ông Nguyễn Việt Hoà	Chủ tịch	1,65 %	Thành viên điều hành	0
2	Ông Nguyễn Văn Tiến	Ủy viên	0,12%	Thành viên điều hành	1
3	Ông Hoàng Trọng Giang	Ủy viên	0,30%	Thành viên điều hành	0
4	Ông Lương Hoài Trân	Ủy viên	0,58%	Thành viên điều hành	0
5	Ông Trần Xuân Bạo	Ủy viên	0,22%	Thành viên điều hành	0
6	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên	0,79%	Thành viên không điều hành	0
7	Bà Hoàng Thị Hà	Ủy viên	0,36%	Thành viên điều hành	0
8	Ông Chada Gurudas Rajiv	Ủy viên	0,51%	Thành viên không điều hành	0

#### b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty đã thành lập Ban Tổng Hợp thuộc Hội đồng quản trị, gồm các thành viên sau:

Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Trưởng ban

Ông Lê Trung Cương - Thành viên  
Bà Đặng Thị Trà Linh - Thành viên

**c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

HĐQT là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị họp định kỳ để tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra phương hướng kế hoạch cho thời gian tới. HĐQT hiện nay của Công ty có 08 thành viên. Mỗi nhiệm kỳ của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra.

HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giám sát các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

HĐQT đã thành lập Ban Tổng Hợp thuộc HĐQT. Ban Tổng Hợp HĐQT thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

Năm 2012 HĐQT Công ty có 07 cuộc họp. Nội dung và kết quả các cuộc họp thể hiện ở các nghị quyết, quyết định như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	40/NQ-HĐQT	13/02/2012	Mua thêm 250.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cp) của Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ (PSP) phát hành thêm cho Cổ đông chiến lược, nhằm nâng tỉ lệ sở hữu lên 11,4% vốn điều lệ của PSP. Giá mua bằng mệnh giá. Giao cho Tổng Giám đốc triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.
2	45A/NQ-HĐQT	22/02/2012	Cho ý kiến chỉ đạo về biện pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh của các đơn vị thành viên. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012.
3	74/NQ-HĐQT	14/05/2012	Thông qua việc triển khai thành lập Công ty Cổ phần Green DMC. Góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Tiếp vận xanh (Công ty liên kết) với số tiền là: 960 triệu đồng (tương đương với 96.000 CP) để nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty lên 35%. Thống nhất chủ trương mua tài sản gắn liền với quyền sử dụng gần 4 ha đất của Công ty Cổ phần Công nghiệp tàu thủy Ngô Quyền (khu đất nằm liền kề với Cảng Green Port của Công ty). Giao cho Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc làm việc với đối tác để quyết định.

4	75/NQ-HĐQT	23/05/2012	<p>Phê duyệt Phương án bán 150.000 cổ phiếu quỹ cho người lao động trong Công ty (phương án chi tiết kèm theo)</p> <p>Ủy quyền cho Tổng Giám đốc - Ủy viên HĐQT triển khai xét chọn, lập danh sách người lao động được mua, số lượng cổ phiếu được mua của từng cá nhân (trên cơ sở tiêu chuẩn CBCNV được mua đề cập trong phương án bán cổ phiếu quỹ cho người lao động), trình HĐQT quyết định.</p> <p>Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT chỉ đạo thực hiện các thủ tục có liên quan, báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, các cơ quan liên quan phù hợp với qui định của pháp luật.</p>
5	85/NQ-HĐQT	27/06/2012	<p>Hủy phương án bán 150.000 cổ phiếu quỹ với giá 10.000 đồng/cp cho người lao động do HĐQT thông qua ngày 23/05/2012.</p> <p>Phê duyệt Phương án phát hành 150.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (phương án chi tiết kèm theo)</p> <p>Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT Công ty chỉ đạo việc xét chọn, lập danh sách người lao động được mua, số lượng cổ phiếu được mua của từng cá nhân (trên cơ sở tiêu chuẩn CBCNV được mua đề cập trong phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động) để HĐQT quyết định.</p> <p>Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT chỉ đạo thực hiện các thủ tục có liên quan, báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, các cơ quan liên quan phù hợp với qui định của pháp luật.</p>
6	97/NQ-HĐQT	28/07/2012	<p>Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu: 381,7 tỷ đồng</li> <li>- Lợi nhuận trước thuế: 144 tỷ đồng</li> </ul> <p>Hoàn thành 75,79 % kế hoạch lợi nhuận năm 2012 do Đại hội cổ đông thông qua.</p> <p>Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình esop sau khi đã sửa đổi mục 13 về xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết.</p> <p>Phê duyệt danh sách, số lượng cổ phiếu được mua của người lao động được tham gia chương trình theo phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.</p> <p>Thông qua sơ đồ tổ chức Công ty. Tổ chức, sắp xếp lại một số đơn vị, phòng ban trong Công ty, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành lập Công ty TNHH Một thành viên Depot trên cơ sở sáp nhập phòng Khai thác bãi và Xưởng sửa chữa.</li> </ul>

			<p>- Thành lập Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh trên cơ sở sáp nhập Công ty TNHH Toàn Cầu Xanh và Chi nhánh Viconship Hồ Chí Minh.</p> <p>Thông qua việc góp vốn: 76.500.000.000 đồng (<i>Bảy mươi sáu tỷ, năm trăm triệu đồng</i>) vào Công ty Cổ phần Green DMC, tương đương với 85% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Green DMC.</p> <p>Liên quan đến sự kiện bà Loan - trưởng Ban kiểm soát Công ty - bị khởi tố do liên quan đến những sai phạm Vinalies, nhiệm vụ của Ban kiểm soát sẽ do hai thành viên Ban kiểm soát còn lại đảm nhiệm. HĐQT sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty gần nhất để bầu bổ sung thêm một ủy viên Ban kiểm soát.</p>
7	187/QĐ.HĐQ T.2012	28/07/2012	<p>Thông qua niêm yết bổ sung cổ phiếu đã phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty: số cổ phiếu đã phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2012 là 144.000 cổ phiếu cho 51 người lao động. Căn cứ vào nghị quyết số 46/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/02/2012 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty, HĐQT quyết định niêm yết bổ sung trên thị trường chứng khoán số cổ phiếu đã phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong tháng 12 năm 2012 và tiến hành các thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.</p> <p>Thông qua mức tạm ứng cổ tức năm 2012: thông qua mức tạm ứng cổ tức năm 2012 là 20% bằng tiền mặt, dự kiến chốt danh sách tạm ứng cổ tức trong tháng 11/2012.</p> <p>Thông qua việc mua lại cổ phần Công ty Cổ phần Green DMC: Công ty Cổ phần Container Việt Nam nhận chuyển nhượng 6.141.917.433 đồng phần vốn góp với giá chuyển nhượng là 6.141.917.433 đồng và nhận góp 2.858.082.567 đồng phần vốn đăng ký nhưng chưa góp, tương đương 900.000 cổ phần (10% vốn điều lệ) của Tổng Công ty dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí – CTCP vào Công ty Cổ phần Green DMC; nhận góp 4.500.000.000 đồng phần vốn đăng ký nhưng chưa góp, tương đương 450.000 cổ phần (5% vốn điều lệ) của ông Cáp Trọng Cường vào Công ty Cổ phần Green DMC. Sau khi nhận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần trên, Công ty Cổ phần Container Việt Nam nắm giữ 100% cổ phần của Công ty Cổ phần Green DMC và chuyển đổi Công ty Cổ phần Green DMC thành Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics xanh.</p> <p>Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT chỉ đạo thực hiện và tiến hành các thủ tục cần thiết, báo cáo UBCKNN, các cơ quan hữu quan theo quy định của pháp luật.</p>

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành**

Hai thành viên HĐQT không điều hành vẫn duy trì chế độ họp thường kỳ cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và trực tiếp khác. Các thành viên HĐQT không điều hành đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành chỉ đạo kịp thời đối với Ban lãnh đạo Công ty.

**e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

Hiện tại HĐQT Công ty thành lập Ban Tổng Hợp HĐQT thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao. Ban Tổng hợp HĐQT thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

**f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm**

Các thành viên HĐQT đều có các chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Trong năm 2012 có 02 thành viên tham dự chương trình về quản trị công ty:

Ông Nguyễn Việt Hòa - Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Xuân Bạo - Ủy viên HĐQT

**2. Ban Kiểm soát**

**a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty họp ngày 16/03/2013 đã bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Yên Hà là thành viên Ban Kiểm soát Công ty. Danh sách Ban Kiểm soát hiện thời:

Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Trưởng ban	0,17%
Ông Lâm Văn Tam	Ủy viên	0,12%
Bà Nguyễn Thị Yên Hà	Ủy viên	

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Căn cứ các quy định trong Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 3 lần, đã phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện từng mặt công tác theo các lĩnh vực hoạt động và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, các qui chế, qui trình, các nghị quyết, quyết định.

Tham gia Đại hội cổ đông thường niên năm 2012.

Theo dõi tình hình qua các nghị quyết, quyết định, kiểm soát việc ban hành và thực hiện các quy chế hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, quy trình nghiệp vụ của Công ty và các đơn vị thành viên.

Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo qui định của pháp luật và điều lệ Công ty đối

với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, người quản lý trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Tham gia một số cuộc họp của Hội đồng quản trị về kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Xem xét các báo cáo tài chính của công ty, báo cáo kiểm toán của công ty kiểm toán.

Trong năm 2012, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

*3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát*

**a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

Công ty chỉ chi tiền thưởng, thù lao theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong năm 2012 Công ty đã chi tiền thưởng, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và thư ký như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Thù lao (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Việt Hoà	Chủ tịch HĐQT	195.000.000
2	Ông Nguyễn Văn Tiến	Ủy viên H ĐQT	135.000.000
3	Ông Hoàng Trọng Giang	Ủy viên H ĐQT	130.000.000
4	Ông Lương Hoài Trân	Ủy viên H ĐQT	130.000.000
5	Ông Trần Xuân Bạo	Ủy viên H ĐQT	130.000.000
6	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên H ĐQT	130.000.000
7	Bà Hoàng Thị Hà	Ủy viên H ĐQT	130.000.000
8	Ông Chada Gurudas Rajiv	Ủy viên H ĐQT	75.000.000
9	Bà Bùi Thị Bích Loan	Hiện nay đã thôi làm Trưởng BKS	50.000.000
10	Ông Lâm Văn Tam	Ủy viên BKS	70.000.000
11	Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Ủy viên BKS	70.000.000
12	Ông Lê Thế Trung	Thư ký	70.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.315.000.000</b>

**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:**

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2012 như sau:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt	Cổ đông lớn	1.407.110	5,93%	1.411.610	5,95%	Cơ cấu danh mục đầu tư.
2	Quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt	Cổ đông lớn	1.411.610	5,95%	1.176.610	4,96%	Cơ cấu danh mục đầu tư.
3	Tổng Công Ty Hàng hải Việt Nam	Nắm giữ phần vốn Nhà nước tại Công ty	424.860	1,78%	415.260	1,74%	Tái cơ cấu nguồn vốn đầu tư.

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** không có.

d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Giám đốc, và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán**



Số 22 /BCKT-TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN***Về Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm 2012 của Công ty Cổ phần Container Việt Nam*

**Kính gửi: Hội đồng quản trị  
Ban Giám đốc Công ty cổ phần Container Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Container Việt Nam được lập ngày 06/02/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 07 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

***Cơ sở ý kiến***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

***Ý kiến của kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại thuyết minh III.4 phần thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2013*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASC****Tổng Giám đốc****Lê Quang Đức****Chứng chỉ KTV số: 0164/KTV****Kiểm toán viên****Lê Phương Anh****Chứng chỉ KTV số: 0739/KTV**

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>544.693.701.582</b>	<b>592.129.404.232</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>46.856.015.142</b>	<b>59.052.383.447</b>
1. Tiền	111	<b>V.01</b>	46.856.015.142	59.052.383.447
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>330.605.224.390</b>	<b>389.403.158.292</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		345.230.224.390	389.403.158.292
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		(14.625.000.000)	
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>126.541.260.896</b>	<b>125.670.772.586</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		120.264.516.958	94.064.447.166
2. Trả trước cho người bán	132		5.226.644.148	28.753.824.006
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	<b>V.03</b>	2.416.984.656	4.049.104.029
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(1.366.884.866)	(1.196.602.615)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>15.305.163.535</b>	<b>8.492.815.435</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.04</b>	15.305.163.535	8.492.815.435
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>25.386.037.619</b>	<b>9.510.274.472</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		76.587.150	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.466.456.399	5.472.559.734
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	<b>V.05</b>		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.842.994.070	4.037.714.738
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>509.865.128.240</b>	<b>264.809.344.733</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>364.797.548.830</b>	<b>212.303.934.193</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.08</b>	341.248.012.903	184.524.811.588
- Nguyên giá	222		580.407.078.078	384.006.824.515
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(239.159.065.175)	(199.482.012.927)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	<b>V.09</b>		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.10</b>	10.583.371.023	5.259.641.250
- Nguyên giá	228		11.481.925.603	6.126.898.330
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(898.554.580)	(867.257.080)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>V.11</b>	12.966.164.904	22.519.481.355
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.13</b>	<b>24.920.716.000</b>	<b>35.707.600.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		24.920.716.000	20.899.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258			36.300.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			(21.491.400.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>120.146.863.410</b>	<b>16.797.810.540</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.14</b>	119.281.852.310	16.417.426.940
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>V.21</b>		
3. Tài sản dài hạn khác	268		865.011.100	380.383.600
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.054.558.829.822</b>	<b>856.938.748.965</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

( Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>297.166.893.714</b>	<b>214.005.490.300</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>264.652.773.714</b>	<b>211.005.395.856</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	<b>V.15</b>	8.992.080.000	846.193.473
2. Phải trả người bán	312		79.968.674.276	76.592.660.198
3. Người mua trả tiền trước	313		2.243.360.781	2.320.034.674
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	<b>V.16</b>	18.748.538.226	12.091.209.118
5. Phải trả công nhân viên	315		45.147.335.049	18.571.776.435
6. Chi phí phải trả	316	<b>V.17</b>	5.372.704.125	339.156.535
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	<b>V.18</b>	74.124.191.663	74.969.781.632
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	323		30.055.889.594	25.274.583.791
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>32.514.120.000</b>	<b>3.000.094.444</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.125.100.000	1.101.600.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	<b>V.20</b>	31.389.020.000	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			1.898.494.444
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>757.391.936.108</b>	<b>642.933.258.665</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>757.391.936.108</b>	<b>642.933.258.665</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		240.385.020.000	238.945.020.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.231.904.775	37.231.904.775
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(10.396.631.245)	(10.396.631.245)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		251.349.616.292	183.523.749.206
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		21.031.402.360	12.030.551.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		217.790.623.926	181.598.664.929
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>				
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.054.558.829.822</b>	<b>856.938.748.965</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		564.263.140	
5. Ngoại tệ các loại (USD)			
- USD		3.497.043,25	3.577.279,82
- EUR		2.112,30	13.808,11
6. Dự toán chi hoạt động			

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>00</b>	<b>VI.25</b>	<b>779.416.783.610</b>	<b>644.207.785.309</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>V.26</b>		
- Chiết khấu bán hàng	02a			
- Giảm giá hàng bán	02b			
- Hàng bán bị trả lại	02c			
- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu và thuế GTGT theo phương pháp trực	02d			
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.27</b>	<b>779.416.783.610</b>	<b>644.207.785.309</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>VI.28</b>	<b>511.543.995.751</b>	<b>415.045.717.712</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>267.872.787.859</b>	<b>229.162.067.597</b>
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	21	<b>VI.29</b>	45.215.832.457	52.478.269.363
<b>7. Chi phí tài chính</b>	22	<b>VI.30</b>	(5.183.765.448)	24.479.420.309
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.180.092.400	595.353.898
<b>8. Chi phí bán hàng</b>	24		59.443.361	155.613.638
<b>9. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	25		31.991.839.165	25.229.411.721
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>286.221.103.238</b>	<b>231.775.891.292</b>
<b>11. Thu nhập khác</b>	31		5.582.892.652	67.712.530.682
<b>12. Chi phí khác</b>	32		1.744.993.463	59.465.719.024
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	40		3.837.899.189	8.246.811.658
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>290.059.002.427</b>	<b>240.022.702.950</b>
<b>15. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	51	<b>VI.31</b>	61.430.047.268	49.022.673.783
<b>16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	52			
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>228.628.955.159</b>	<b>191.000.029.167</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>9.626</b>	<b>10.028</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp trực tiếp

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	997.245.277.907	1.216.576.571.287
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(832.281.672.802)	(737.636.253.903)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(84.202.493.976)	(70.178.079.126)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.180.092.400)	(595.353.898)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(53.340.544.438)	(52.566.037.512)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.879.570.885.156	751.284.189.735
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.786.489.722.828)	(1.023.801.049.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>119.321.636.619</b>	<b>83.083.987.383</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(208.316.237.518)	(47.296.578.552)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	1.480.115.131	66.693.375.726
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.226.561.202.678)	(1.597.700.972.222)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.321.355.341.302	1.516.188.705.890
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(10.362.754.309)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	153.579.617	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	44.847.394.743	45.818.826.219
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(77.403.763.712)</b>	<b>(16.296.642.939)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.440.000.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	40.381.100.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(846.193.473)	(25.709.131.325)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(95.079.420.000)	(70.769.385.700)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(54.104.513.473)</b>	<b>(96.478.517.025)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(12.186.640.566)</b>	<b>(29.691.172.581)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>59.052.383.447</b>	<b>88.631.811.420</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(9.727.739)	111.744.608
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>46.856.015.142</b>	<b>59.052.383.447</b>

## VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 TIỀN	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	2.209.712.642	3.315.184.803
Tiền gửi ngân hàng	44.646.302.500	55.737.198.644
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>46.856.015.142</b>	<b>59.052.383.447</b>
2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	345.230.224.390	389.403.158.292
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	301.782.765.698	389.403.158.292
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	43.447.458.692	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (**)	(14.625.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>330.605.224.390</b>	<b>389.403.158.292</b>
<p>(*) Mua 4.866.800 cổ phiếu của Công ty cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (PSP) với giá trị 43.447.458.692 đồng gần bằng 14,75% vốn Điều lệ của PSP</p> <p>(**) Khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn là khoản dự phòng được trích lập cho cổ phiếu của công ty cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (PSP) bị giảm giá tại thời điểm 31/12/2012.</p>		
3 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
Phải thu người lao động		
Phải thu khác	2.416.984.656	4.049.104.029
- Các khoản thu hộ hãng tàu	2.289.462.020	1.964.654.568
- Dự nợ các khoản phải trả khác	127.522.636	2.084.449.461
<b>Cộng</b>	<b>2.416.984.656</b>	<b>4.049.104.029</b>
4 HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Hàng mua đang đi đường		
Nguyên liệu, vật liệu	14.399.946.530	7.703.543.412
Công cụ, dụng cụ	30.570.478	6.004.419
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm		
Hàng hóa	874.646.527	783.267.604
<b>Cộng</b>	<b>15.305.163.535</b>	<b>8.492.815.435</b>
* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK trong năm		
* Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	15.305.163.535	8.492.815.435
* Lý do trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK		



## 5 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Thuế thu GTGT hàng bán nộp thừa	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
- Thuế khác	-	-
- Các khoản khác phải thu Nhà Nước	-	-
<b>Cộng</b>	-	-

## 8 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm(*)	130.032.315.794	7.124.434.679	243.723.811.408	3.126.262.634	384.006.824.515
Số tăng trong năm	61.035.328.504	24.348.118.467	117.303.064.374	158.781.818	202.845.293.163
- Mua trong năm	19.039.747.812	24.348.118.467	117.303.064.374	158.781.818	160.849.712.471
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	41.995.580.692				41.995.580.692
- Tăng khác					-
Số giảm trong năm	-	-	6.445.039.600	-	6.445.039.600
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán			6.445.039.600		6.445.039.600
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	191.067.644.298	31.472.553.146	354.581.836.182	3.285.044.452	580.407.078.078
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm(*)	54.186.957.374	1.843.313.322	141.219.062.280	2.232.679.951	199.482.012.927
Số tăng trong năm	13.537.971.152	1.005.149.190	29.455.887.217	396.699.420	44.395.706.979
- Khấu hao trong năm	13.537.971.152	1.005.149.190	29.455.887.217	396.699.420	44.395.706.979
- Tăng khác					-
Số giảm trong năm	-	-	4.718.654.731	-	4.718.654.731
- Thanh lý, nhượng bán			4.718.654.731		4.718.654.731
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	67.724.928.526	2.848.462.512	165.956.294.766	2.629.379.371	239.159.065.175
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	75.845.358.420	5.281.121.357	102.504.749.128	893.582.683	184.524.811.588
Tại ngày cuối năm	123.342.715.772	28.624.090.634	188.625.541.416	655.665.081	341.248.012.903

**10 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	<b>5.191.830.000</b>		<b>107.892.500</b>	<b>827.175.830</b>	<b>6.126.898.330</b>
Số tăng trong năm	5.355.027.273	-	-	-	5.355.027.273
- Mua trong năm	5.355.027.273				5.355.027.273
- Tăng khác					-
Số giảm trong năm					
Số dư cuối năm	<b>10.546.857.273</b>	-	<b>107.892.500</b>	<b>827.175.830</b>	<b>11.481.925.603</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm			<b>40.081.250</b>	<b>827.175.830</b>	<b>867.257.080</b>
Số tăng trong năm	-	-	31.297.500	-	31.297.500
- Khấu hao trong năm			31.297.500		31.297.500
- Tăng khác					
Giảm trong năm					
Số cuối năm	-	-	<b>71.378.750</b>	<b>827.175.830</b>	<b>898.554.580</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	<b>5.191.830.000</b>		<b>67.811.250</b>	-	<b>5.259.641.250</b>
Tại ngày cuối năm	<b>10.546.857.273</b>		<b>36.513.750</b>	-	<b>10.583.371.023</b>

**11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>12.966.164.904</b>	<b>22.519.481.355</b>
Trong đó, những công trình lớn:		
- XD văn phòng CN công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh		16.340.133.627
- Mở rộng cầu tàu cảng Green Port		5.034.283.636
- Lắp đặt nội thất văn phòng công ty		288.224.395
- Xây dựng văn phòng CN Quy Nhơn		326.735.807
- Cài tạo VP Container Miền trung	1.439.695.455	
- Mua xe đầu kéo Freight Liner	9.727.272.730	
- Sửa chữa văn phòng TT Logistics	475.310.909	
- Hệ thống Tụ Bù	67.023.000	
- Xe nâng điện	996.697.750	
- Các công trình khác	260.165.060	530.103.890

13 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào công ty con	-	
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	24.920.716.000	20.899.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	36.300.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	-	(21.491.400.000)
<b>Cộng</b>	<b>24.920.716.000</b>	<b>35.707.600.000</b>

**Danh sách các công ty liên doanh, liên kết quan trọng**

Tên công ty	Các thông tin liên quan	Vốn điều lệ	Vốn góp đến 31/12/2012	Tỷ lệ góp
Công ty TNHH MSC Việt Nam	Công ty liên kết	3.100.000.000	899.000.000	29%
Công ty CP Tiếp Vận Xanh	Công ty liên kết	60.000.000.000	20.960.000.000	34,93%
Công ty TNHH Ngôi sao xanh tương lai	Công ty liên doanh	6.248.400.000	3.061.716.000	49%
<b>Cộng</b>			<b>24.920.716.000</b>	

14 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải	492.640.464	134.071.156
Tiền thuê đất bãi Hòa Cầm của Container Miền Trung	1.024.563.520	
Tiền thuê đất Khu CN Đình Vũ của Logistics trả trước 36 năm	97.749.684.351	1.221.762.405
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	20.014.963.975	15.061.593.379
Chi phí trả trước khác		
<b>Cộng</b>	<b>119.281.852.310</b>	<b>16.417.426.940</b>

15 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay ngắn hạn	-	846.193.473
Nợ dài hạn đến hạn trả	8.992.080.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.992.080.000</b>	<b>846.193.473</b>

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	925.571.054	343.792.239
Thuế Thu nhập cá nhân	355.642.801	214.652.233
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.934.293.337	5.401.482.854
Thuế tài nguyên	-	-
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	3.361.277.000
Các loại thuế khác	3.533.031.034	2.770.004.792
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>18.748.538.226</b>	<b>12.091.209.118</b>

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	561.409.483	
Trích trước tiền phí phải trả tháng 12/2012 cảng Đà Nẵng	286.000.000	
Trích trước tiền thuê đất 2012	2.291.515.000	
Phí kiểm toán phải trả	200.000.000	185.000.000
Chi phí về cước vận chuyển, phí Seal, THC		154.156.535
Chi phí phải trả khác	2.033.779.642	
<b>Cộng</b>	<b>5.372.704.125</b>	<b>339.156.535</b>

18 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	135.674.180	621.974.325
Kinh phí công đoàn	4.124.938.221	3.064.406.377
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.464.986.008	1.263.486.008
Các khoản phải trả, phải nộp khác	67.344.644.635	58.560.913.656
Dư có các khoản phải thu khác	53.948.619	11.459.001.266
<b>Cộng</b>	<b>74.124.191.663</b>	<b>74.969.781.632</b>

20 VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>31.389.020.000</b>	-
Vay ngân hàng	31.389.020.000	-
Vay đối tượng khác		
<b>Nợ dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b>31.389.020.000</b>	-



22 VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cổ phiếu ngân quỹ	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>120.305.510.000</b>		<b>37.231.904.775</b>	<b>187.285.622.126</b>	<b>12.030.551.000</b>	<b>193.925.815.844</b>	<b>152.558.062</b>	<b>(10.396.631.245)</b>	<b>540.535.330.562</b>
Tăng vốn năm trước	118.639.510.000	5.602.723.226		114.877.637.080	-	197.763.096.733		-	436.882.967.039
<i>-Lãi trong năm trước</i>						191.000.029.167			191.000.029.167
<i>-Tăng khác</i>	118.639.510.000	5.602.723.226				6.763.067.566			131.005.300.792
<i>-Phân phối lợi nhuận</i>				114.877.637.080					114.877.637.080
Giảm vốn trong năm trước		5.602.723.226	0	118.639.510.000	-	210.090.247.648			334.332.480.874
<i>-Lỗ trong năm trước</i>									0
<i>-Giảm khác</i>		5.602.723.226		118.639.510.000		210.090.247.648	152.558.062		334.485.038.936
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>238.945.020.000</b>	<b>0</b>	<b>37.231.904.775</b>	<b>183.523.749.206</b>	<b>12.030.551.000</b>	<b>181.598.664.929</b>	<b>-</b>	<b>(10.396.631.245)</b>	<b>643.085.816.727</b>
Tăng vốn trong năm	1.440.000.000	239.262.871		67.825.867.086	9.000.851.360	228.628.955.159		-	307.134.936.476
<i>-Lãi trong năm</i>						228.628.955.159			228.628.955.159
<i>-Tăng do phân phối lợi nhuận</i>				67.825.867.086	9.000.851.360				76.826.718.446
<i>-Tăng khác</i>	1.440.000.000	239.262.871							1.679.262.871
Giảm vốn trong năm		239.262.871	0	0		192.436.996.162			192.676.259.033
<i>-Giảm do phân phối</i>						191.121.996.162			191.121.996.162
<i>-Giảm khác</i>		239.262.871				1.315.000.000			1.554.262.871
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>240.385.020.000</b>	<b>0</b>	<b>37.231.904.775</b>	<b>251.349.616.292</b>	<b>21.031.402.360</b>	<b>217.790.623.926</b>	<b>-</b>	<b>(10.396.631.245)</b>	<b>757.544.494.170</b>

**22.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Vốn góp của Nhà nước	4.152.600.000	4.248.600.000
Vốn góp của các đối tượng khác	236.232.420.000	234.696.420.000
<b>Cộng</b>	<b>240.385.020.000</b>	<b>238.945.020.000</b>

\* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm:

\* Số lượng cổ phiếu quỹ:

**22.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận.**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	238.945.020.000	120.305.510.000
+ Vốn góp tăng trong năm	1.440.000.000	118.639.510.000
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	240.385.020.000	238.945.020.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	95.199.608.000	71.183.706.000

**22.4. Cổ phiếu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.038.502	23.894.502
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.038.502	23.894.502
- Cổ phiếu phổ thông	24.038.502	23.894.502
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	166.600	166.600
- Cổ phiếu phổ thông	166.600	166.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.871.902	23.727.902
- Cổ phiếu phổ thông	23.871.902	23.727.902
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**22.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	228.628.955.159	191.000.029.167
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	23.749.995	19.047.330
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.626	10.028

## VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

## 25 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa		15.518.459.204
Doanh thu cung cấp dịch vụ	779.416.783.610	628.689.326.105
Doanh thu của hợp đồng xây dựng	-	-
<b>Cộng</b>	<b>779.416.783.610</b>	<b>644.207.785.309</b>

## 27 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	-	15.518.459.204
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	779.416.783.610	628.689.326.105
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng		
<b>Cộng</b>	<b>779.416.783.610</b>	<b>644.207.785.309</b>

## 28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán		14.889.558.285
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	511.543.995.751	400.156.159.427
Giá vốn của hợp đồng XD		
<b>Cộng</b>	<b>511.543.995.751</b>	<b>415.045.717.712</b>

## 29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	33.003.794.743	45.818.826.219
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.843.600.000	
Lãi bán ngoại tệ	9.325.064	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	359.112.650	6.659.443.144
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>45.215.832.457</b>	<b>52.478.269.363</b>

## 30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.180.092.400	595.353.898
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	465.716.421	2.392.666.411
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	36.825.731	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(6.866.400.000)	21.491.400.000
Chi phí tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>(5.183.765.448)</b>	<b>24.479.420.309</b>

**31 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	61.430.047.268	49.022.673.783
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
<b>Cộng</b>	<b>61.430.047.268</b>	<b>49.022.673.783</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**33 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.001.696.337	53.124.490.734
- Chi phí nhân công	113.131.542.148	74.141.554.205
- Chi phí khấu hao TSCĐ	44.427.004.479	41.557.139.309
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	222.779.783.676	197.227.146.238
- Chi phí khác bằng tiền	103.255.251.637	74.380.412.585
<b>Cộng</b>	<b>543.595.278.277</b>	<b>440.430.743.071</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****2 Báo cáo bộ phận****Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Bán hàng hoá (dầu, mỡ..)
- Cung cấp các dịch vụ cảng

	Bán hàng hoá VND	Cung cấp DV VND	Cộng VND
Doanh thu thuần ra bên ngoài	-	779.416.783.610	779.416.783.610
Doanh thu thuần giữa các bộ phận			-
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>-</b>	<b>779.416.783.610</b>	<b>779.416.783.610</b>
Chi phí bộ phận	-	511.543.995.751	511.543.995.751
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	267.872.787.859	267.872.787.859
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			32.051.282.526
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>235.821.505.333</b>



Doanh thu hoạt động tài chính	45.215.832.457
Chi phí tài chính	(5.183.765.448)
Thu nhập khác	5.582.892.652
Chi phí khác	1.744.993.463
Thuế TNDN hiện hành	61.430.047.268
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>228.628.955.159</b>
Tổng Chi phí đã phát sinh để mua sắm, đầu tư XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	208.200.320.436
Tổng chi phí khấu hao phân bổ chi phí trả trước dài hạn	44.427.004.479

### 3 Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ (VND)		Giá trị hợp lý (VND)	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.856.015.142	59.052.383.447	46.856.015.142	59.052.383.447
Phải thu khách hàng, phải thu khác	122.681.501.614	98.113.551.195	122.681.501.614	98.113.551.195
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	345.230.224.390	389.403.158.292	345.230.224.390	389.403.158.292
<b>Cộng</b>	<b>514.767.741.146</b>	<b>546.569.092.934</b>	<b>514.767.741.146</b>	<b>546.569.092.934</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay	40.381.100.000	846.193.473	40.381.100.000	846.193.473
Chi phí phải trả	5.372.704.125	339.156.535	5.372.704.125	339.156.535
Phải trả người bán, phải trả khác	154.092.865.939	151.562.441.830	154.092.865.939	151.562.441.830
<b>Cộng</b>	<b>199.846.670.064</b>	<b>152.747.791.838</b>	<b>199.846.670.064</b>	<b>152.747.791.838</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán niêm yết. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định theo giá trị sổ sách.

- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

### 4 Tài sản đảm bảo

Công ty có các tài sản đảm bảo thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải phòng

*Hợp đồng thế chấp số DA/2012/HĐTC ngày 03/04/2012 giữa NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải phòng và Công ty Cổ phần Container Việt Nam về việc thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là hệ thống cần trục chân đế KIROW ARDELTA GMBH của hợp đồng tín dụng trung hạn số DA/2012/VCS*

## 5 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

### Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

### Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

## 6 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 7 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá khác.

### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

### 8 Những sự kiện Pháp lý

Ngày 26 tháng 07 năm 2012 Công ty cổ phần Container Việt Nam đã có công văn số 102/CBTT gửi UBCK Nhà nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán T.P Hồ Chí Minh về việc công bố thông tin bất thường bà Bùi Thị Bích Loan nguyên kế toán trưởng Vinalines. Bà Loan bị khởi tố, bắt do liên quan đến những sai phạm tại Vinalines. Tại thời điểm bị bắt bà Loan là Trưởng Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Container Việt Nam. Tuy nhiên, chức danh Trưởng Ban kiểm soát trên đến nay vẫn chưa được bầu người khác thay thế

### 9 Thông tin về các bên liên quan

#### a Các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh	Công ty con	100%
Công ty TNHH Container Miền Trung	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh	Công ty con	100%
Công ty TNHH Tuyền TS	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV trung tâm Logistics Xanh	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV Bến Xanh	Công ty con	100%
Công ty TNHH MSC Việt Nam	Công ty liên kết	29%
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Xanh	Công ty liên kết	34,93%
Công ty TNHH Ngôi sao xanh tương lai	Công ty liên doanh	49%

#### Giao dịch với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của công ty với các bên liên quan kể từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Công ty TNHH MTV Vận tải biển ngôi sao xanh	Công ty con	Thu lãi	5.668.399.028
		Bán hàng hóa	13.978.852.573
		Cung cấp dịch vụ	20.334.208.573
Công ty TNHH Container Miền Trung	Công ty con	Thu lãi	2.904.744.726
		Khác	3.256.604.939
Công ty TNHH MTV Viconship HCM	Công ty con	Khác	4.752.596.363
Công ty TNHH Tuyền TS	Công ty con	Thu lãi	65.268.749
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	Công ty con	Góp vốn vào Công ty con	90.000.000.000
		Khác	43.641.917.433
Công ty TNHH MTV Bến Xanh	Công ty con	Góp vốn vào Công ty con	500.000.000
		Khác	123.621.644

Các khoản phải thu	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Vận tải biển ngôi sao	7.987.201.909	11.394.391.017
Công ty TNHH Container Miền Trung	21.210.841.525	15.049.491.860
Công ty TNHH MTV Viconship HCM	9.314.855.323	4.562.258.960
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	43.641.917.433	
Công ty TNHH MTV Bến Xanh	123.621.644	
<b>Các khoản phải trả</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV Vận tải biển ngôi sao		2.011.860.400
Công ty TNHH Tuyển TS	200.000.000	200.000.000

**b. Thù lao chi trả trong năm cho các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch Hội đồng quản trị	195.000.000
Ông Nguyễn Văn Tiến	Ủy viên Hội đồng quản trị	135.000.000
Ông Hoàng Trọng Giang	Ủy viên Hội đồng quản trị	130.000.000
Ông Lương Hoài Trân	Ủy viên Hội đồng quản trị	130.000.000
Ông Trần Xuân Bạo	Ủy viên Hội đồng quản trị	130.000.000
Ông Chada Gurudas RaJiv	Ủy viên Hội đồng quản trị	75.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên Hội đồng quản trị	130.000.000
Bà Hoàng Thị Hà	Ủy viên Hội đồng quản trị	130.000.000
Bà Bùi Thị Bích Loan	Hiện nay đã thôi làm Trưởng BKS	50.000.000
Ông Lâm Văn Tam	Ủy viên Ban kiểm soát	70.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Nhã	Ủy viên Ban kiểm soát	70.000.000
Ông Lê Thế Trung	Thư ký công ty	70.000.000

**\*Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<i>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	48%	31%
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	52%	69%
<i>1.2. Bố trí cơ cấu vốn</i>			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	28%	25%
- Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn	%	72%	75%
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
2.1. Tổng tài sản/ Tổng nợ phải trả	Lần	3,55	4,00
2.2. Tổng tài sản ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn	Lần	2,06	2,81
2.3. Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn	Lần	1,43	2,13
2.4. Giá trị thuần của TSCĐ mua sắm bằng vay dài hạn hoặc nợ dài hạn/ Tổng tài sản	Lần		
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
<i>3.1. Lợi nhuận/ doanh thu</i>			
- Lợi nhuận trước thuế/ DT thuần + doanh thu hoạt động tài chính + thu nhập khác	%	34,94%	31%
- Lợi nhuận sau thuế/ DT thuần + doanh thu hoạt động tài chính + thu nhập khác	%	27,54%	25%
<i>3.2. Lợi nhuận/ Tổng tài sản</i>			
- Lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	%	27,51%	28%
- Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	21,68%	22%
3.3. Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn CSH	%	30,19%	30%

**Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán, kế toán và tư vấn thuế (AAT) thực hiện. Số liệu này đã được phân loại lại một số chỉ tiêu cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

(Báo cáo tài chính Công ty Mẹ năm 2012 đã kiểm toán được trình bày trên website của Công ty theo địa chỉ : [www.viconship.com](http://www.viconship.com))

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Tiến**